TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2022
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phụng.

Ông Võ Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thụy Mỹ T1, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Thế L, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Ấp T, xã An T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thụy Mỹ T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012 chị Lê Thụy Mỹ T1 và anh Lâm Thế L có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị T1 và anh L không còn sống chung từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T1 và anh L có 02 người con chung tên Lâm Mỹ Phương T2, sinh ngày 15/01/2014 và Lâm Mỹ Phương V, sinh ngày 26/8/2020, hiện nay cháu T2 và cháu V đang sống chung với chị T1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Thế L.

Về con chung: Chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Lâm Mỹ Phương T2, sinh ngày 15/01/2014 và Lâm Mỹ Phương V, sinh ngày 26/8/2020 cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 26/TB-TLVA ngày 21 tháng 3 năm 2022, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Lâm Thế L, nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vắng mặt không có lý do, chị T1 có đơn yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh L trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị T1 và anh L có 02 con chung tên Lâm Mỹ Phương T2, sinh ngày 15/01/2014 và Lâm Mỹ Phương V, sinh ngày 26/8/2020. Tại văn bản lập ngày 07/4/2022, cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với chị T1, cháu V thì hiện nay dưới 36 tháng tuổi, từ khi sinh ra đến nay hai cháu đều do chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay hai cháu đang sống chung với chị T1. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Lâm Mỹ Phương T2, sinh ngày 15/01/2014 và Lâm Mỹ Phương V, sinh ngày 26/8/2020 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, chị T1 không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Căn

cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh L.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị T1 có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thụy Mỹ T1, cư trú tại phường T, quận N, thành phố Cần Thơ; anh Lâm Thế L, cư trú tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị T1 có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L và yêu cầu được trực tiếp cuôi con chung. Chị T1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị T1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị T1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Lê Thụy Mỹ T1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Lê Thụy Mỹ T1 và bị đơn anh Lâm Thế L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, chị T1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thụy Mỹ T1 và bị đơn anh Lâm Thế L.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thụy Mỹ T1, sinh năm 1982 và anh Lâm Thế L, sinh năm 1985 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126/2012 ngày 26 tháng 12 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thụy Mỹ T1 và anh Lâm Thế L là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Lê Thụy Mỹ T1, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị T1, anh L hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 11 năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T1 và anh L không còn sống chung từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Chị T1 và anh L đã bỏ mặc nhau làm cho tình

trạng hôn nhân của vợ chồng chị T1 và anh L trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1.

[5] Về con chung: Chị T1 và anh L có 02 người con chung tên Lâm Mỹ Phương T2, sinh ngày 15/01/2014 và Lâm Mỹ Phương V, sinh ngày 26/8/2020. Chị T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi thành Niên. Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản lập ngày 07/4/2022, cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với chị T1, cháu V thì hiện nay dưới 36 tháng tuổi; từ khi sinh ra đến nay hai cháu đều do chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay hai cháu đang sống chung với chị T1. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Lâm Mỹ Phương T2 và Lâm Mỹ Phương V cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Lâm Thế L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T1.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Lê Thụy Mỹ T1 là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị T1 phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thụy Mỹ T1 và anh Lâm Thế L ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Lâm Mỹ Phương T2, sinh ngày 15/01/2014 và Lâm Mỹ Phương V, sinh ngày 26/8/2020 cho chị Lê Thụy Mỹ T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Lâm Thế L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T1.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thụy Mỹ T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001822 ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Lê Thụy Mỹ T1 đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND phường T, quận N, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn